TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 325/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 14 – 9 - 2018
V/v "Ly hôn giữa bà T và ông L"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B – TỈNH ĐỒNG NAI

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quyên.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Chánh
Bà Thiều Thị Phi Loan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Thế Mạnh – Thư ký Tòa án nhân dân TP. B, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP.B: Ông Mai Văn Thông – Kiểm sát viên.

Ngày 14/9/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân TP.B - tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 1398/2018/HNGĐ-ST ngày 25 tháng 6 năm 2018 về việc "Xin ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 231/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/8/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 601/2018/QĐST – HNGĐ ngày 27/8/2018 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Hồng T, sinh năm 1979.
HKTT: P 14, KP3, phường Q, TP. B, tỉnh Đồng Nai.
Địa chỉ liên hệ: 16P, KP 7, P. T, TP. B, tỉnh Đồng Nai.
Bị đơn Ông Nguyễn Đại L, sinh năm 1978.
Địa chỉ: 18P, ấp B, xã H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.
(Bà T có đơn xin vắng mặt, còn ông L vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Hồng T trình bày:

-Về quan hệ hôn nhân: Trước đây chúng tôi là vợ chồng nhưng vì có mâu thuẫn nân chúng tôi đã thỏa thuận ly hôn và Tòa án đã ra quyết định cho chúng tôi được ly hôn. Sau đó chúng tôi đã tự giải quyết được mâu thuẫn, nên đến năm 2014 thì chúng tôi tự nguyện đăng ký kết hôn lại, đăng ký kết hôn tại UBND phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Nhưng từ giữa năm 2016 thì chúng tôi tiếp tục xảy ra mâu thuẫn trong vấn đề tình cảm, bên cạnh đó quan điểm sống của hai vợ chồng không đồng nhất, vì vậy vợ chồng tôi thường xuyên cãi vã, dẫn đến xung đột và không tôn trọng lẫn nhau. Vì không muốn gia đình đổ vỡ đã nhiều lần vợ chồng tôi cùng ngồi lại tìm cách giải quyết mâu thuẫn nhưng tất cả đều không có kết quả. Do vậy đời sống chung của vợ chồng không hạnh phúc dẫn đến tình cảm vợ chồng chúng tôi không còn, không thể hàn gắn và không thể tiếp tục sống chung với nhau

được. Nay xét thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng nghiêm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy tôi đã suy nghĩ rất kỹ để đi đến quyết định ly hôn với chồng tôi là Nguyễn Đại L.

-Về con chung: Có 01 con chung là Nguyễn Hồng Đại A, sinh ngày 11/8/2006. Sau khi ly hôn tôi xin nhận nuôi con và không yêu cầu chồng cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Đại L đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các thủ tục tống tụng để đến Tòa án làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng và hòa giải, cũng như tham gia phiên tòa xét xử nhưng ông L không đến Tòa nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm pháp, Hội đồng xét xử và những tham gia tố tụng: thực hiện đúng theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Hồng T; Về con chung: giao cháu Nguyễn Hồng Đại A, sinh ngày 11/8/2006 cho bà T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành và có khả năng lao động, tạm thời ông L không phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và nợ chung: đề nghị tách ra giải quyết sau; Về án phí: bà T phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Nguyễn Đại L hiện cư trú tại địa bàn TP. B nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân TP.B theo điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tống đạt hợp lệ các thủ tục tống tụng để ông L đến Tòa án làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng và hòa giải, cũng như tham gia phiên tòa xét xử nhưng ông L không đến, bà T có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 207, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành đưa vụ án xét xử vắng mặt đối với bà T và ông L.

[3] Về quan hệ hôn nhân: ông Nguyễn Đại L và bà Nguyễn Hồng T có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Q, TP. B, tỉnh Đồng Nai trên cơ sở cả hai tự nguyện nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp, áp dụng luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

Quá trình chung sống theo bà T trình bày sau bà và ông L kết hôn với nhau trước đấy nhưng do mâu thuẫn vợ chồng nên ông bà đã ly hôn theo quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 963/2011/QĐST – HNGĐ ngày 30/12/2011, nhưng vì thương con nên đến năm 2014 ông bà đăng ký kết hôn lại. Sau khi kết hôn vợ chồng

ông bà không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không còn hòa hợp, bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng không còn tôn trọng, tin tưởng lẫn nhau. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà xin được ly hôn với ông S để trả tự do cho nhau.

Xét thấy mâu thuẫn giữa bà Tvà ông L theo bà T trình bày là có cơ sở bởi lẽ: Tại biên bản xác minh mâu thuẫn gia đình tại địa phương ngày 01/8/2018 thể hiện giữa vợ chồng bà T và ông L có mâu thuẫn là thật, do đó, ông bà đã ly thân nên chị T cùng cháu Nguyễn Hồng Đại A chuyển về sinh sống tại phường T. Qúa trình Tòa án giải quyết đã tống đạt hợp lệ nhiều lần để ông L đến Tòa làm việc nhưng ông không đến, thể hiện ông bỏ mặc cho tình trạng hôn nhân của vợ chồng, không có ý muốn hàn gắn đoàn tụ. Do vậy nghĩ nên chấp nhận đơn xin ly hôn của bà T, giải quyết cho bà được ly hôn với ông L là phù hợp.

[4] Về con chung: Ông L và bà T có 01 con chung tên Nguyễn Hồng Đại A, sinh ngày 11/8/2006. Ly hôn bà T có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu A đến tuổi trưởng thành và có khả năng lao động, tạm thời bà không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện cháu A trên 07 tuổi, cháu có nguyện vọng muốn được ở với mẹ, thiết nghĩ nên giao cháu A cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp quy định pháp luật. Tạm thời ông L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì không trực tiếp nuôi con nên ông L được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng

[5] Về tài sản chung: theo bà T trình bày là tự thỏa thuận, do chưa có ý kiến của ông Lư về vấn đề này nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết, nếu sau này có tranh chấp, các bên sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

[6] Về nợ chung: theo bà T trình bày là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên, do chưa có ý kiến của ông L về vấn đề này nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết, nếu sau này có tranh chấp, các bên sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

[7] Về án phí HNGĐ sơ thẩm: Bà T phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định, trừ vào số tiền ạm tứng án phí bà Trang đã nộp 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B theo biên lai số 007678 ngày 11/6/2018, bà T đã nộp xong.

[8] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 205; Điều 207; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 235; Điều 238 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng các Điều 51, 54, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Hồng T.

Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Hồng T được ly hôn với ông Nguyễn Đại L.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hồng Đại A, sinh ngày 11/8/2006 cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành và có khả năng lao động, tạm thời ông L không cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì không trực tiếp nuôi con nên ông L được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con khi cần thiết, các bên có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung và nợ chung: không đặt ra xem xét.

Án phí HNGĐ sơ thẩm: Bà T phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định, trừ vào số tiền ạm tứng án phí bà T đã nộp 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B theo biên lai số 007678 ngày 11/6/2018, bà T đã nộp xong.

Bà T và ông L được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận
- Toà án tỉnh Đồng Nai;
- VKSND TP. B;
- THADS TP. B;
- Các đương sự;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu VP – HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Quyên

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân | Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận
- Toà án tỉnh Đồng Nai
- VKS TP.B
- Các đương sự
- Thi hành án
- Lưu hồ sơ
- Lưu VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Quyên